TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến

2. Bà Lâm Thị Tám.

Thư ký phiên toà: Bà Lý Bích Khiếm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết P, sinh năm 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Số 53 đường HVC, ấp TL, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh ST.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Số 53 đường HVC, ấp TL, thị trấn MX, huyện MX, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11/7/2017, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết P trình bày:* Bà và ông Lê Thanh T chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra bất hòa, sống chung không hợp tính tình, từ đầu năm 2017 vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:* Ông thống nhất với bà P về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà P kiên quyết ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Việc tranh chấp giữa bà Trương Thị Tuyết P và ông Lê Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình. Tại phiên toà hôm nay, bà Trương Thị Tuyết P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông T không có giải pháp nào để thuyết phục bà P đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà P và ông T đều thừa nhận hiện nay vợ chồng hay cãi vã nên cuộc sống sống không hạnh phúc và ông T đồng ý ly hôn với bà P. Xét thấy, mục đích hôn nhân của bà Trương Thị Tuyết P và ông Lê Thanh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà P và ông T tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thụ lý đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trương Thị Tuyết P và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Tuyết P và ông Lê Thanh T.

[2] Về con chung: Bà Trương Thị Tuyết P và ông Lê Thanh T không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị Tuyết P và ông Lê Thanh T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết P phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005370 ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trương Thị Tuyết P đã nộp xong.

Các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký hộ tịch;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Mỹ